ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG VẪN SUY YẾU, CHỈ SỐ KHẢ NĂNG KIỂM ĐỊNH LẠI KHU VỰC 1740 – 1760

15/10/2025

VN-Index	**1761.06 (-0.23%)**
1641 Tr. cổ phiếu	52745.8 Tỷ VND (17.87%)
HNX-Index	**275.33 (-0.01%)**
140 Tr. cổ phiếu	3520.8 Tỷ VND (2.49%)
UPCOM-Index	**113.15 (0.40%)**
48 Tr. cổ phiếu	714.9 Tỷ VND (-11.46%)
VN30F1M	**2014.20 (0.03%)**
346,888 HD	OI: 34,796 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số

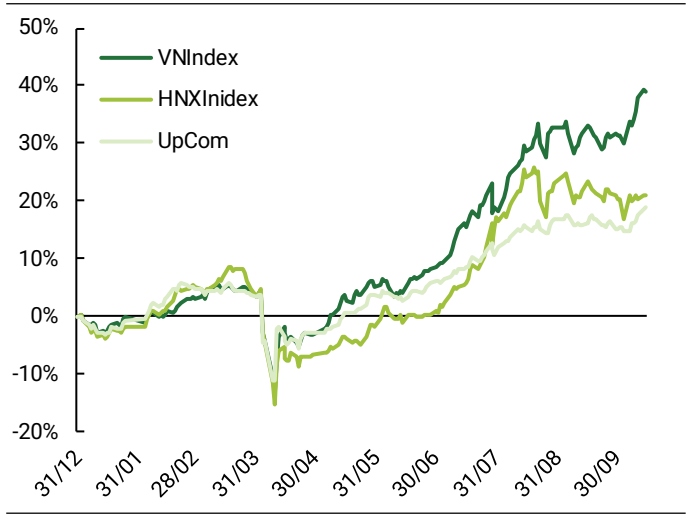

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VN-Index đóng cửa phiên tại 1761.1, giảm 4.1 điểm (-0.23%). Thanh khoản tăng với độ rộng nghiêng về số mã giảm giá. VN30 vẫn giữ được sắc xanh trong khi HNX-Index lùi về sát tham chiếu.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup tiếp tục giữ vai trò nâng đỡ trong khi áp lực bán ở mặt bằng chung cổ phiếu gia tăng khi chỉ số tiến lên vùng cao. Dòng tiền trở lại phân hóa và độ rộng thị trường vẫn suy yếu.

  Nhóm ngành và cổ phiếu phản ứng tích cực trong phiên: Bất động sản: VIC (+3.2%), TAL (+3.5%) l Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEX (+6.9%), GEE (+7.0%) l Du lịch và Giải trí: VJC (+6.9%) l Bán lẻ: MWG (+1.5%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: CTG (-2.2%), BID (-2.1%), LPB (-1.9%) l Thực phẩm và đồ uống: HAG (-5.0%), ANV (-4.7%), IDI (-3.0%) l Điện, nước & xăng dầu khí đốt: NT2 (-3.0%), TTA (-2.4%) l Dịch vụ tài chính: DSE (-2.9%), VDS (-2.7%) l Tài nguyên Cơ bản: SMC (-6.7%), DHC (-2.6%)

  Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, VPB, VJC - Chiều giảm | CTG, BID, HPG, VPL

  Khối ngoại tiếp tục Bán ròng hơn 1400 tỷ đồng, tập trung nhiều ở FPT, SSI, VRE, trong khi mua ròng VHM, VIC, VCB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** giao dịch khởi sắc đầu phiên và có lúc gần chạm ngưỡng 1800 điểm nhưng áp lực bán đã chi phối trở lại khi sự thiếu đồng thuận dâng cao (đà tăng chỉ tập tung ở nhóm trụ lớn). Dù vậy, áp lực giảm điểm chưa quá tiêu cực khi giá vẫn đóng cửa trên 1/2 nến tăng ngày hôm trước. Khu vực 1740 - 1760 hiện là vùng hỗ trợ ngắn hạn, kỳ vọng giao dịch trở lại cân bằng quanh đây. Trường hợp vận động thoái lui dưới ngưỡng 1740 điểm sẽ phát rủi ro tìm về lại mốc tâm lý 1700 điểm.
- **Đối với HNX-Index,** chỉ số kết phiên với mẫu hình nến sao băng, lần nữa cho thấy lực cung chiếm ưu hơn trong nỗ lực vượt lên ngưỡng cản 280. Vận động có thể tiếp tục tích lũy thêm với hỗ trợ gần là khu vực 270 - 272.
- **Chiến lược chung:** Các vị thế hiện có thể nắm giữ nếu chưa vi phạm stop loss. Đối với chiều mua, theo dõi thêm phản ứng của thị trường trong quá trình hạ nhiệt, tiếp tục ưu tiên với nhóm giao dịch kênh trên (trên MA20 ngày). Tỷ trọng chung duy trì ở mức trung bình, chưa vội tham gia margin quá nhiều giai đoạn này. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Tiêu dùng, Bất động sản.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời TCB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi (%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,761.1	**-0.2%**	4.5%	5.6%	52,745.8	**17.9%**	105.1%	54.0%	1,641.4	**17.1%**	86.0%	46.1%
HNX-Index	275.3	**0.0%**	0.9%	-0.4%	3,520.8	**2.5%**	41.2%	52.9%	140.3	**-1.1%**	30.4%	51.0%
UPCOM-Index	113.2	**0.4%**	2.6%	2.8%	714.9	**-11.5%**	49.1%	-13.4%	47.9	**17.3%**	47.4%	-32.3%
VN30	2,013.7	**0.1%**	5.4%	7.9%	28,879.8	**5.1%**	102.2%	64.1%	706.1	**9.3%**	78.9%	59.8%
VNMID	2,511.9	**-0.3%**	2.3%	-0.9%	19,969.2	**43.1%**	114.8%	47.3%	642.7	**28.1%**	91.9%	29.0%
VNSML	1,563.5	**-1.3%**	-1.0%	-2.9%	2,432.7	**19.5%**	79.6%	9.5%	158.6	**15.9%**	78.8%	16.3%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	685.5	**-0.8%**	1.36%	3.3%	12,758.9	**3.9%**	26.7%	54.0%	467.0	**6.0%**	24.4%	49.6%
Bất động sản	688.9	**1.6%**	13.7%	25.8%	11,518.2	**-12.4%**	63.1%	115.5%	307.1	**-5.8%**	46.3%	64.3%
Dịch vụ tài chính	383.2	**-0.2%**	-0.1%	1.0%	9,182.7	**85.0%**	75.9%	116.1%	267.6	**75.6%**	61.1%	93.6%
Công nghiệp	276.3	**3.2%**	4.3%	6.4%	4,199.1	**176.7%**	144.9%	190.2%	81.5	**134.9%**	115.4%	135.6%
Tài nguyên cơ bản	558.9	**-2.1%**	-0.7%	-3.5%	3,099.0	**-2.1%**	43.5%	45.4%	121.8	**-0.5%**	46.0%	43.6%
Xây dựng - Vật Liệu	198.6	**-0.5%**	1.2%	-4.1%	2,648.2	**7.3%**	40.7%	45.5%	101.6	**4.3%**	35.5%	30.0%
Thực phẩm	560.6	**-1.8%**	2.2%	1.0%	2,827.8	**21.2%**	32.6%	53.1%	72.2	**31.9%**	43.1%	56.2%
Bán Lẻ	1,526.5	**1.1%**	7.0%	4.7%	1,567.8	**72.3%**	39.1%	82.1%	22.0	**66.3%**	43.9%	84.9%
Công nghệ	491.2	**-1.8%**	-1.6%	-7.2%	1,259.9	**15.1%**	56.6%	4.4%	17.1	**27.9%**	76.6%	16.8%
Hóa chất	168.2	**-1.6%**	2.0%	-3.6%	724.4	**7.4%**	57.4%	59.0%	22.1	**11.6%**	57.8%	59.2%
Tiện ích	650.0	**-0.6%**	-0.4%	-2.4%	300.5	**52.2%**	24.6%	-3.3%	15.1	**54.1%**	37.8%	1.6%
Dầu khí	75.8	**-2.3%**	3.5%	1.6%	721.3	**16.6%**	45.2%	86.2%	26.8	**15.3%**	44.0%	82.1%
Dược phẩm	427.4	**-0.4%**	-0.6%	0.3%	81.8	**131.4%**	1.1%	26.2%	3.9	**79.4%**	26.3%	16.3%
Bảo hiểm	86.9	**-1.2%**	-3.2%	-6.9%	67.7	**54.5%**	105.2%	96.3%	2.2	**65.0%**	114.1%	95.2%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,761.1	-0.2%	39.0%	17.0x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,266	-1.60%	-9.6%	16.1x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,067	-1.95%	13.9%	20.2x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,037	-0.3%	-4.4%	16.0x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,076	0.4%	-6.9%	10.4x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,865	-0.6%	15.3%	19.2x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	25,441	-1.7%	26.8%	12.7x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	46,847	-2.6%	17.4%	21.5x	2.5x
S&P 500	Mỹ	6,655	1.6%	13.1%	27.7x	5.4x
Dow Jones	Mỹ	46,068	1.29%	8.3%	22.8x	4.9x
FTSE 100	Anh	9,390	-0.6%	14.9%	14.3x	2.2x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,494	-1.3%	12.2%	17.1x	2.3x
DXY		99	0.45%	-8.4%		
USDVND		26,354	0.04%	3.4%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	-2.4%	-7.8%	-17.2%	-20.3%
Dầu WTI	-1.6%	-7.6%	-19.2%	-21.5%
Khí gas	-1.3%	4.2%	-15.6%	22.9%
Than cốc (*)	0.0%	0.0%	-10.6%	-20.4%
Thép HRC (*)	-1.5%	-2.6%	-4.0%	-8.8%
PVC (*)	0.0%	1.0%	-5.3%	-14.1%
Phân Urea (*)	-2.1%	-21.8%	7.2%	7.7%
Cao su thiên nhiên	-1.2%	-1.6%	-13.7%	-14.2%
Bông Cotton	-1.2%	-3.3%	-7.8%	-11.2%
Đường	-4.3%	-2.5%	-20.0%	-31.2%
World Container Index	-1.1%	-19.2%	-56.6%	-50.7%
Baltic Dirty tanker Index	5.2%	2.4%	23.1%	9.9%
Vàng	2.8%	13.4%	57.4%	56.0%
Bạc	2.7%	22.1%	78.2%	65.1%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

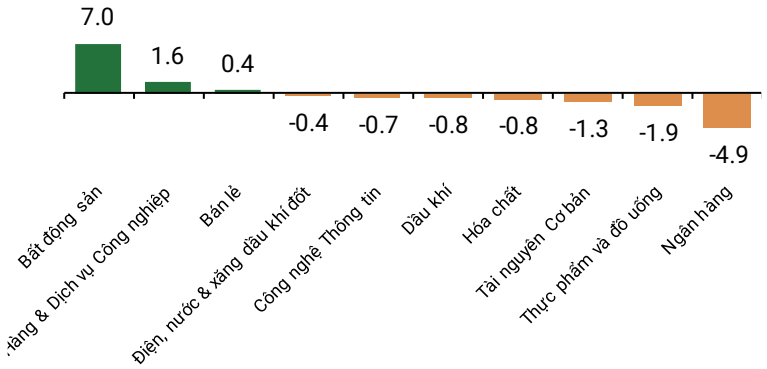

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

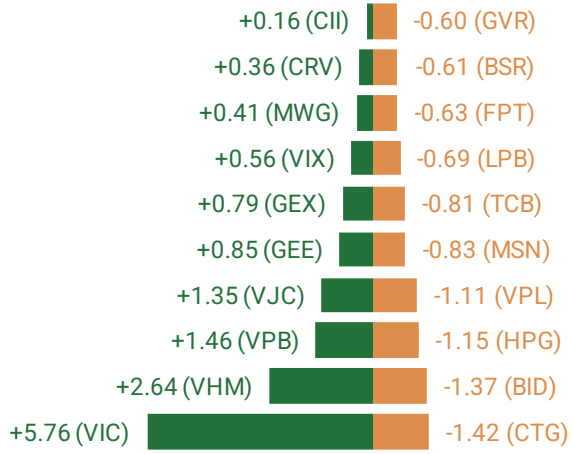

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

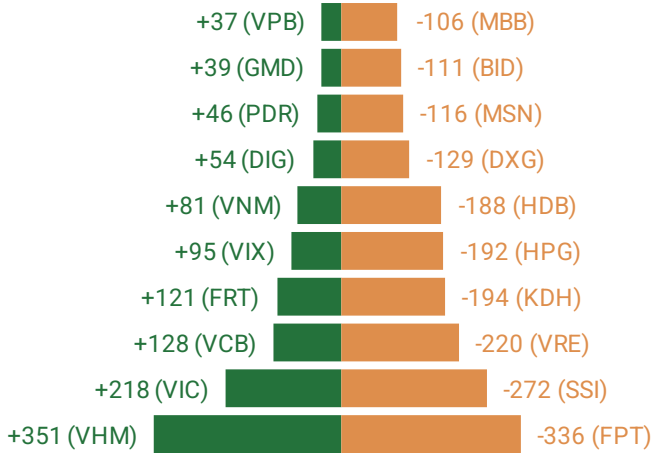

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

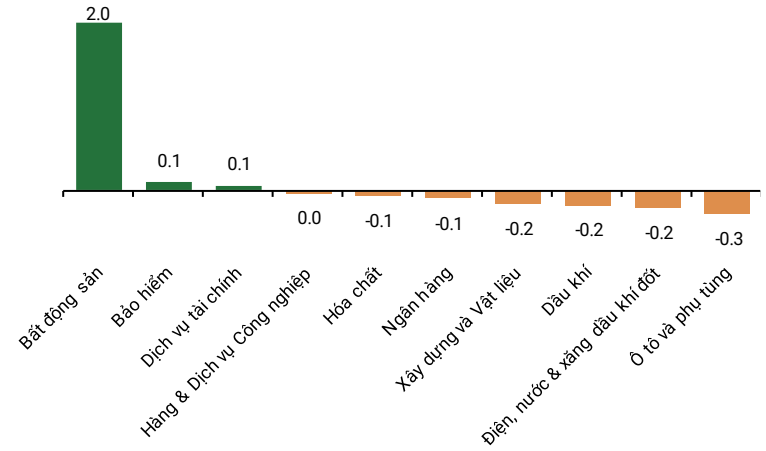

TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

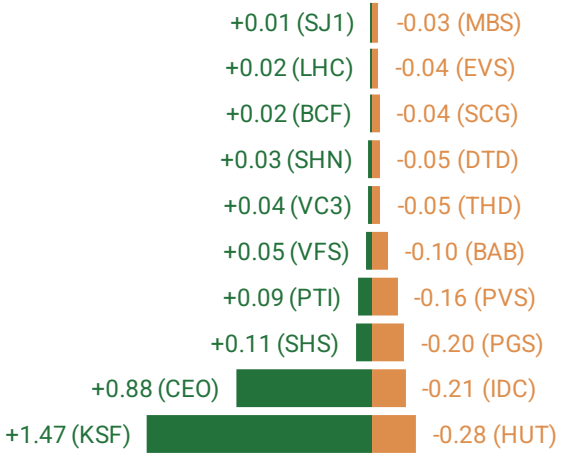

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

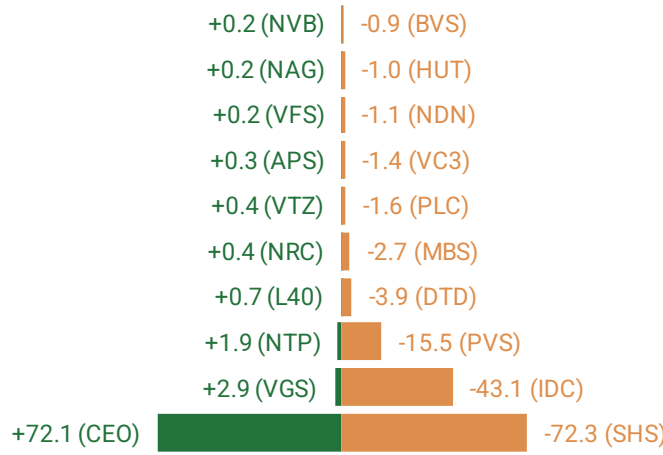

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

	VIX	GEX	SSI	HPG	SHB
%DoD	4.3%	6.9%	-0.8%	-2.2%	-0.6%
Giá trị	2,998	2,928	2,760	2,423	2,233

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

	VIC	MSN	HDB	MBB	SSI
%DoD	3.2%	-2.9%	0.0%	-1.1%	-0.8%
Giá trị	1,200	266	263	219	203

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)

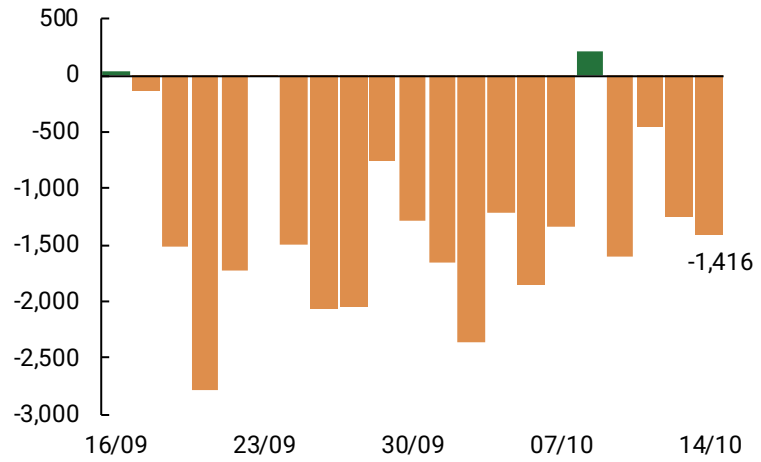

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX

	SHS	CEO	MBS	PVS	IDC
%DoD	0.4%	4.8%	-0.6%	-1.6%	-1.8%
Giá trị	1,289	843	428	188	94

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX

	HUT	TDT	PVS	AAV	AAV
%DoD	-2.9%	0.0%	-1.6%	1.7%	1.7%
Giá trị	4	0	0	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)

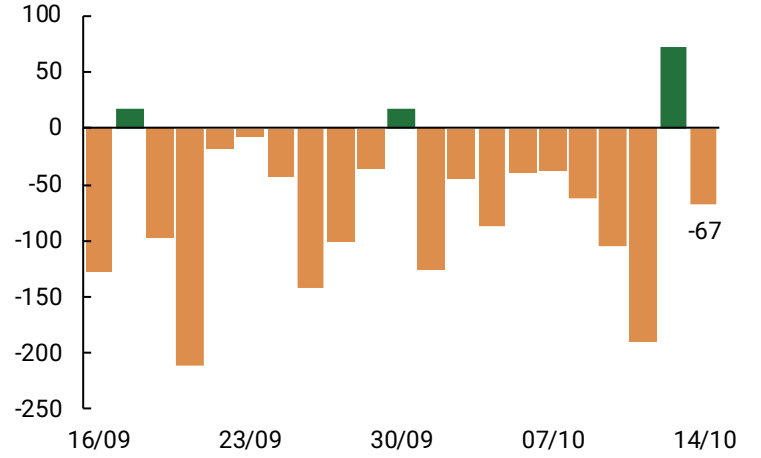

Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến đỏ thân lớn, vol tăng.
- ✓ Hỗ trợ: 1680 – 1700.
- ✓ Kháng cự: 1800.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI trở lại quán tính tăng.
- ✓ Xu hướng: Tăng.

Kịch bản: Chỉ số giảm điểm nhưng vẫn còn cao hơn ½ nến tăng phiên trước, cho thấy động lực tăng chưa bị phủ định. Dù vậy, vol gia tăng mạnh hàm ý lực cung còn chi phối trong chiều đi lên. **Vận động khả năng trở lại củng cố thêm quanh khu vực 1740 – 1760 điểm.** Nếu giá lùi về dưới ngưỡng 1740 có thể phát rủi ro điều chỉnh sâu hơn về mốc tâm lý 1700 điểm.

Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ thân lớn có bóng nến chạm cản, vol tăng.
- ✓ Hỗ trợ: 1880 - 1900.
- ✓ Kháng cự: 2040 - 2050.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI trở lại quán tính tăng.
- ✓ Xu hướng: Tăng.

➔ Chỉ số bật tăng đầu phiên chạm khu vực cản 2040 – 2050 và đã điều chỉnh trở lại sau đó. Dù vậy, gía vẫn giữ được sắc xanh cho thấy dòng tiền hoạt động tốt ở nhóm trụ lớn, đóng vai trò nâng đỡ. **Vận động khả năng tiếp tục củng cố thêm nền giá quanh ngưỡng 2000 sau tín hiệu bứt phá.**

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	**TCB**	**TAKE PROFIT**	**Current price**	**40.8**		**P/E (x)**	13.5
Exchange	HOSE		Action price	**38.6**	**5.8%**	P/B (x)	1.7
Sector	Banks		Take profit price (15/10)	**40.8**	**5.8%**	EPS	3018.1
						ROE	14.3%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Large

TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Gía chạm vùng mục tiêu 42 – 42.5 và có tín hiệu điều chỉnh.
- Thanh khoản tăng cho thấy lực bán chủ động.
- Chỉ báo RSI tiếp cận mức quá mua và có dấu hiệu hạ nhiệt, hàm ý động lượng tăng có thể suy yếu.

➔ Xu hướng khả năng điều chỉnh để củng cố lại đà.

➔ Khuyến nghị Chốt lời quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	TCB	Chốt lời	15/10/2025	40.8	38.6	5.8%	42.5	10.2%	36.5	-5.3%	Đà tăng chững lại

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	HPG	Nắm giữ	12/09/2025	08/10/2025	28.35	29.2	-2.7%	33.0	13.2%	28.0	-3.9%	Nâng cắt lỗ 28
2	CTD	Nắm giữ	19/09/2025	03/10/2025	84.00	81.8	2.7%	92.0	12.5%	78.0	-4.6%	Nâng cắt lỗ 78
3	ACB	Mua	07/10/2025	-	26.30	26.8	-1.9%	30.0	11.9%	25.0	-6.7%	
4	HAG	Mua	09/10/2025	-	16.30	16.8	-2.7%	18.5	10.4%	15.7	-6.3%	
5	VNM	Mua	09/10/2025	-	63.50	63.4	0.2%	70.0	10.4%	59.5	-6.2%	
6	DDV	Mua	10/10/2025	-	32.95	32.0	3.0%	36.0	12.5%	30.0	-6.3%	
7	MSN	Mua	13/10/2025	-	82.50	84.10	-1.9%	92.0	9.4%	80.0	-4.9%	
8	ABB	Mua	13/10/2025	-	12.69	12.7	-0.1%	14.0	10.2%	12.0	-5.5%	
9	MBS	Mua	14/10/2025	-	34.50	34.7	-0.6%	40.0	15.3%	32.0	-7.8%	

Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2014.2, tăng 0.6 điểm (+0.03%). Thanh khoản tăng với độ lệch basis thu hẹp còn 0.5 điểm, ngang với VN30 cơ sở. Khối ngoại Bán ròng 2499 HĐ, tương ứng hơn 500 tỷ đồng. Gía tăng nhanh đầu phiên và có lúc chạm ngưỡng 2040 nhưng áp lực bán đã chiếm ưu thế hơn trong phiên chiều đẩy vận động về lại sát tham chiếu.
- **Ở khung đồ thị 15p,** chỉ báo MACD đã cắt xuống đường tín hiệu, trong khi RSI cũng giảm về mức trung bình 50. Trạng thái có xu hướng hạ nhiệt nhằm củng cố lại đà đi lên. Chiều Short có thể cân nhắc nếu giá lùi về dưới ngưỡng 2005, có thể gia tăng thêm Short nếu vận động tiếp tục giảm dưới ngưỡng 1990. Chiều Long hạn chế hơn, tham gia khi giá xác nhận bứt phá trên ngưỡng 2026.

Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 2.005	1.993	2.012	12 : 7
Short	< 1.989	1.976	1.995	13 : 6
Long	> 2.026	2.038	2.020	12 : 6

Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G3000	1,983.0	1.0	178	324	2,022.3	-39.3	19/03/2026	156
VN30F2512	2,008.0	-2.0	692	1,486	2,017.3	-9.3	18/12/2025	65
41I1FB000	2,009.9	-1.1	8,831	7,938	2,015.7	-5.8	20/11/2025	37
41I1FA000	2,014.2	0.6	346,888	34,796	2,013.8	0.4	16/10/2025	2
41I2FA000	1,930.0	14.0	139	131	1,935.8	-5.8	17/10/2025	3

Khối lượng mở (Open interest)

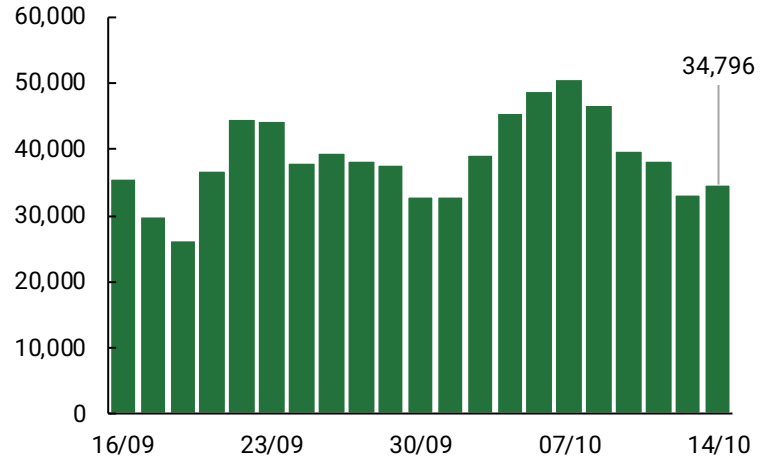

Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)

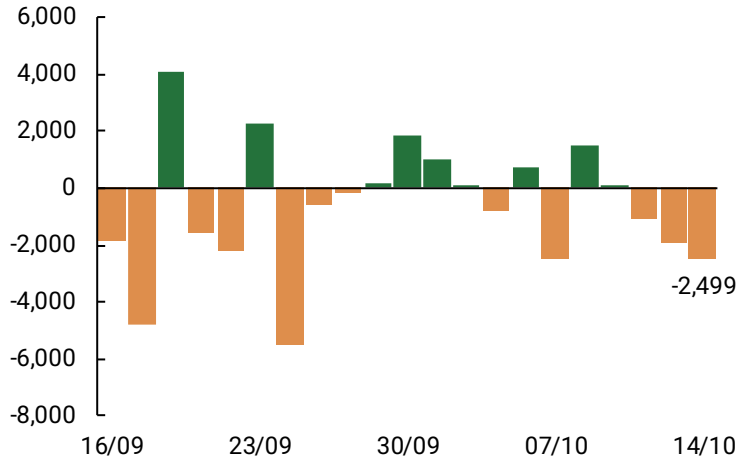

Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)

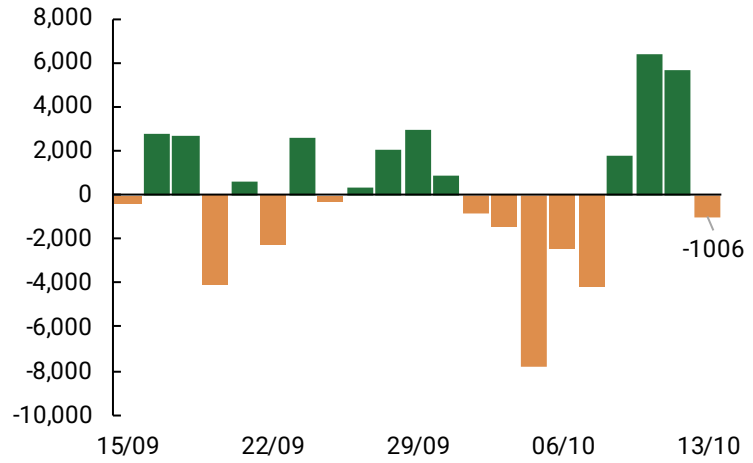

Basis hợp đồng tương lai

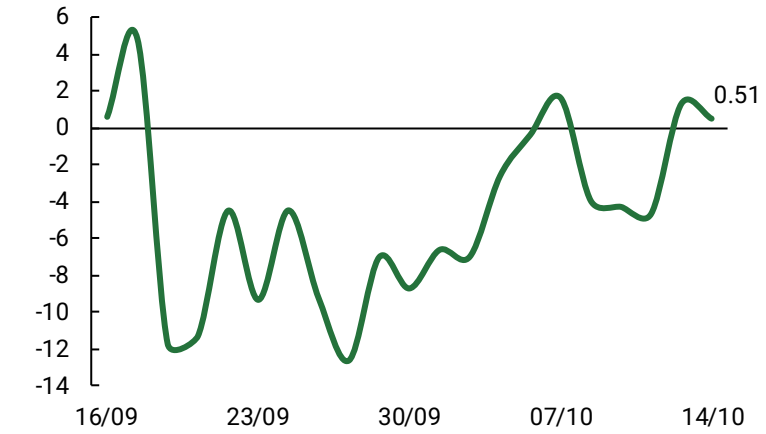

Đường cong hợp đồng tương lai

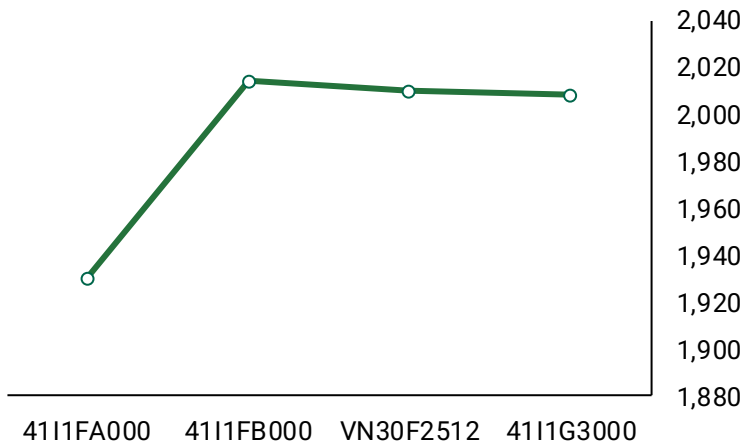

VN30F1M – VN30F2M

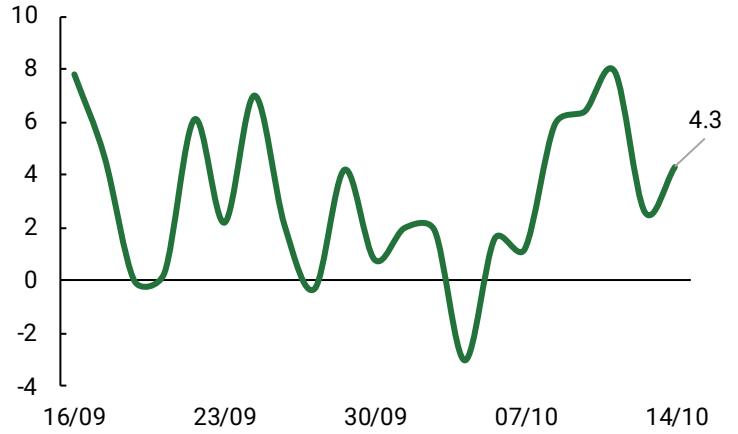

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,000	67,900	-9.5%	Giảm tỷ trọng
CTD	84,000	92,400	10.0%	Tăng tỷ trọng
CTI	25,050	27,200	8.6%	Nắm giữ
DBD	53,900	68,000	26.2%	Mua
DDV	32,948	35,500	7.7%	Nắm giữ
DGC	96,200	102,300	6.3%	Nắm giữ
DGW	40,000	48,000	20.0%	Tăng tỷ trọng
DPR	36,850	41,500	12.6%	Tăng tỷ trọng
DRI	11,111	18,000	62.0%	Mua
EVF	13,950	14,400	3.2%	Nắm giữ
FRT	142,200	135,800	-4.5%	Giảm tỷ trọng
GMD	68,100	72,700	6.8%	Nắm giữ
HAH	55,100	67,600	22.7%	Mua
HDG	33,400	33,800	1.2%	Nắm giữ
HHV	15,400	12,600	-18.2%	Bán
HPG	28,350	30,900	9.0%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
IMP	50,700	55,000	8.5%	Nắm giữ
MBB	27,050	22,700	-16.1%	Bán
MSH	34,600	47,100	36.1%	Mua
MWG	84,200	92,500	9.9%	Nắm giữ
NLG	39,650	43,600	10.0%	Nắm giữ
PHR	54,300	72,800	34.1%	Mua
PNJ	84,700	95,400	12.6%	Tăng tỷ trọng
PVT	17,500	18,900	8.0%	Nắm giữ
SAB	45,400	59,900	31.9%	Mua
TCB	40,800	35,650	-12.6%	Bán
TCM	28,950	38,400	32.6%	Mua
TRC	69,400	94,500	37.8%	Mua
VCG	27,600	26,200	6.7%	Nắm giữ
VHC	55,100	60,000	12.7%	Tăng tỷ trọng
VNM	63,500	69,500	18.4%	Tăng tỷ trọng
VSC	27,800	17,900	-39.4%	Bán

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

01/10
- Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI

03/10
- Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp

06/10
- Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế VN Qúy III và 9 tháng

07/10
- Việt Nam - FTSE Russell công bố phân loại thị trường

15/10
- Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

16/10
- Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)
- Việt Nam - Đáo hạn phái sinh

20/10
- Việt Nam - Công bố danh mục cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số Diamond
- Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản

30/10
- Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành
- EU - ECB công bố lãi suất
- Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất

31/10
- Việt Nam - Công bố sơ bộ GDP
- Việt Nam - Các quỹ ETF Diamond cơ cấu chỉ số

THÔNG TIN VĨ MÔ

Nhiều quy định mới siết chuẩn công ty đại chúng: Nhằm nâng cao chất lượng hàng hóa trên thị trường chứng khoán (TTCK), một loạt quy định mới tại Luật số 56/2024/QH15, Nghị định số 245/NĐ-CP và Thông tư số 19/2025/TT-BTC đã được ban hành, siết chặt các điều kiện, quy trình đăng ký và quản trị đối với công ty đại chúng. Những thay đổi này được kỳ vọng sẽ tạo điều kiện để TTCK ngày càng trở thành kênh huy động nguồn lực quan trọng cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

Mỹ tạm hoãn áp thuế 100% với hàng hóa Trung Quốc: Ngày 13/10, Bộ trưởng Tài chính Mỹ Scott Bessent cho biết Mỹ sẽ tạm hoãn việc áp thuế 100% đối với hàng hóa Trung Quốc cho tới sau cuộc gặp giữa Tổng thống Donald Trump và Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình sẽ diễn ra tại Hàn Quốc vào cuối tháng này, nhằm tạo thêm thời gian cho đàm phán. Hai nhà lãnh đạo dự kiến gặp nhau bên lề Hội nghị cấp cao Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương tại thành phố Gyeongju, từ ngày 31/10 đến 01/11.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

HAX - Áp lực từ xe sang lan xuống dòng phổ thông, Haxaco lỗ trở lại sau 4 năm: Theo báo cáo tài chính quý III, CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ghi nhận doanh thu thuần giảm 25% về 1.150 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp giảm mạnh 66% xuống còn 60 tỷ đồng, tương ứng biên lãi gộp chỉ 5,2%. Các chi phí đều tăng vọt khiến công ty báo lỗ sau thuế gần 26 tỷ đồng, xấu hơn đáng kể so với khoản lãi lớn 90 tỷ đồng cùng kỳ năm ngoái. Đây là kỳ thua lỗ trở lại kể từ sau quý III/2021 đến nay.

DPM - PVFCCo - Phú Mỹ vượt kế hoạch 9 tháng: Trong 9 tháng đầu năm 2025, công ty hoàn thành và vượt hầu hết mục tiêu sản xuất kinh doanh với sản lượng urê đạt 682,000 tấn (103% kế hoạch), NPK 170,000 tấn (138%). Tiêu thụ urê đạt 687,000 tấn (111%), NPK 158,000 tấn (110%). Nhà máy vận hành an toàn, đạt mốc 1 triệu tấn sản lượng NPK. Công ty đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, số hóa, hợp tác chiến lược mở rộng chuỗi giá trị, ra mắt sản phẩm hữu cơ Phú Mỹ Organic. Đơn vị được vinh danh "Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam". Kế hoạch quý IV tập trung bảo dưỡng, tái cơ cấu, phát triển sản phẩm hữu cơ và kiểm soát rủi ro.

NT2 - Nhơn Trạch 2 sắp chi 201,5 tỷ đồng trả cổ tức, tỷ lệ 7%: NT2 dự kiến chi 201,5 tỷ đồng trả cổ tức trên 287,9 triệu cổ phiếu, nguồn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Nửa đầu 2025, công ty đạt doanh thu 3,508 tỷ đồng, tăng 43,3%, lợi nhuận sau thuế 363,2 tỷ đồng so với lỗ 36 tỷ cùng kỳ. Sản lượng điện tháng 8 đạt 271,36 triệu kWh, doanh thu 624,44 tỷ đồng, giá khí bình quân 9,146536 USD/triệu BTU. Tháng 9 ước đạt 179 triệu kWh.

HPG - Tỷ phú Trần Đình Long nín thở chờ tin quan trọng trước tháng 11: Bộ Công Thương đang xem xét điều tra hành vi lẩn tránh thuế CBPG với thép HRC nhập khẩu Trung Quốc, hỗ trợ Hòa Phát giữ vững 36% thị phần, tăng công suất và sản lượng, theo Mirae Asset doanh thu thép 2025 dự kiến tăng 12% và lợi nhuận hoạt động 37%, nhờ biên lợi nhuận cải thiện từ Q4 và mở rộng công suất Dung Quất 2. Động thái này giúp chuyển nhu cầu từ hàng nhập khẩu sang nội địa, duy trì đà tăng sản lượng và lợi nhuận bền vững.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801